

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Hợp phần 3: Cơ sở hạ tầng cho chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc dự án “Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn”- Tiểu Dự án tỉnh Lạng Sơn, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Hiệp định số 3633-VIE (COL) ký ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á;*

*Căn cứ Quyết định số 1551/QĐ-CTN ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi Hiệp định tài trợ Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, vay vốn ADB;*

*Căn cứ Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu Dự án tỉnh Lạng Sơn, vay vốn của ADB;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án “Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc*

*Kạn, Lạng Sơn” - Tiểu Dự án tỉnh Lạng Sơn, vay vốn của ADB;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 08/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn.*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi Trường tại Tờ trình số 118/TTr-SNNMT ngày 08/4/2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Hợp phần 3: Cơ sở hạ tầng cho chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc dự án “Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn” - Tiểu Dự án tỉnh Lạng Sơn, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Chủ dự án: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn (trước hợp nhất là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn).

2. Nội dung và Quy mô đầu tư xây dựng điều chỉnh:

a) Điều chỉnh giảm nội dung thực hiện các gói vốn cạnh tranh; thực hiện một số hoạt động tư vấn hỗ trợ để bước đầu xây dựng, hình thành các chuỗi giá trị nông nghiệp:

- Rà soát và cập nhật Kế hoạch chiến lược phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp chủ lực tỉnh Lạng Sơn; cập nhật, sàng lọc và lựa chọn phương thức tiếp cận, khởi tạo các hoạt động nhóm sản xuất, nhóm sản phẩm, các gói vốn cạnh tranh để phát triển nâng cao chuỗi giá trị Hôi, Quế, Rau và Thạch đen theo: Hướng dẫn, quy định của Dự án như được nêu trong Sổ tay Quản trị dự án (PAM phát hành tháng 11/2017 và các bản cập nhật theo từng giai đoạn) và các văn bản cập nhật theo tiến độ thực hiện.

- Nghiên cứu, đề xuất danh mục đầu tư công phát triển cơ sở hạ tầng tại các xã vùng nguyên liệu của chuỗi, ưu tiên chủ yếu cho các công trình đường giao thông liên thôn, đường vào rừng sản xuất, đường nội đồng, công trình thủy lợi. Việc triển khai các hạng mục công trình sẽ tuân thủ theo Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Nghiên cứu các cơ chế chính sách để tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ cho các tác nhân tư nhân trong chuỗi (*doanh nghiệp, HTX, THT và hộ kinh doanh*) để bước đầu hình thành các chuỗi giá trị và ưu tiên tiếp cận các chương trình hỗ trợ hiện hành trên địa bàn tỉnh. Cơ chế tiếp cận nguồn vốn theo các văn bản hướng

dẫn của HĐND, UBND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 và các giai đoạn tiếp theo.

b) Thực hiện đầu tư Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng giao thông liên xã, thủy lợi,... để hỗ trợ cho chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như quế, hồi, thạch đen và rau an toàn; trong đó tập trung vào hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ cho các vùng nguyên liệu, vùng sản xuất.

Thực hiện đầu tư tổng cộng 17 công trình, bao gồm: 03 công trình giao thông với tổng chiều dài khoảng 42km và 14 công trình thủy lợi (bao gồm các đập dâng, mương, hồ chứa...) với tổng số hộ hưởng lợi trực tiếp là khoảng 3.910 hộ thuộc 03 huyện: Tràng Định, Văn Quan và Bình Gia; phục vụ tưới tổng diện tích khoảng 2.375ha, hỗ trợ phát triển 04 chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.

3. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 13.622.895 USD (tương đương **305.697,76 triệu đồng**), cụ thể như sau:

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị USD	Giá trị VNĐ (triệu đồng*)		
			ADB	ĐU	Tổng
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ CƠ BẢN</b>				
<b>A1</b>	<b>HẠ TẦNG CÔNG</b>	<b>12.093.152</b>	<b>197.335,43</b>	<b>74.034,91</b>	<b>271.370,34</b>
I	Chi phí đền bù GPMB	1.470.169	-	32.990,60	32.990,60
II	Chi phí xây dựng	8.568.004	174.787,27	17.478,73	192.266,00
III	Chi phí quản lý dự án	127.241	-	2.855,29	2.855,29
IV	Chi phí tư vấn ĐTXD	553.919	2.878,12	9.551,83	12.429,95
V	Chi phí khác	274.442	-	6.158,47	6.158,47
VI	Chi phí dự phòng	1.099.377	19.670,03	5.000,00	24.670,03
<b>A2</b>	<b>HẠ TẦNG TƯ NHÂN</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>A3</b>	<b>NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ ARVC</b>	<b>441.917</b>	<b>9.015,10</b>	<b>901,51</b>	<b>9.916,61</b>
<b>A4</b>	<b>CÁC CHI PHÍ TƯ VẤN CHUNG</b>	<b>301.643</b>	<b>317,78</b>	<b>6.451,10</b>	<b>6.768,88</b>
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG HP3</b>	<b>786.183</b>	<b>17.641,94</b>	<b>-</b>	<b>17.641,94</b>
<b>C</b>	<b>LÃI VAY TRONG ĐƯỢC GỐC HÓA (1,96%)</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Cộng</b>	<b>13.622.895</b>	<b>224.310,24</b>	<b>81.387,52</b>	<b>305.697,76</b>

Ghi chú: “\*” Tỷ giá USD thời điểm lập điều chỉnh Báo cáo NCKT tháng

04/2025 lấy bằng Tỷ giá USD thời điểm lập Báo cáo NCKT tháng 4/2018: 1\$=22.440 VNĐ.

#### 4. Cơ cấu nguồn vốn

- Vốn vay ưu đãi từ ADB (ADF/COL): 9.996.000 USD (tương đương 224.310,24 triệu đồng);

- Vốn đối ứng: 3.626.895 USD (tương đương 81.387,52 triệu đồng).

**Điều 2.** Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 và Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực VI, Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn, Chủ tịch UBND các huyện: Bình Gia, Văn Quan, Tràng Định và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng: TH, KTTH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(HĐN).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lương Trọng Quỳnh**